

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **218/2020/HS-PT**

Ngày: 21 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Thế Cẩm**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà **Trương Thị Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **158/2020/HS-PT** ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Phan T, Lê Hữu M. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **14/2020/HS-ST** ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

**1. Phan T**, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan T (đã chết) và bà Phạm Thị T; có vợ là Lê Thị T và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/7/1991, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Quảng Nam xét xử về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Hữu M**, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Nguyễn Thị Thanh L và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/01/2014, bị Công an huyện P xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Hồng V không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 14-12-2019, các bị cáo Phan T, Nguyễn Hồng V và Lê Hữu M rủ nhau đến hồ Phú Ninh đánh bắt cá, bị cáo M mang theo theo 01 (một) bao lát màu trắng loại 50kg đựng lưới đánh cá. Tại bờ hồ cảng thủy sản Tư Yên (*thuộc thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam*) bị cáo T, V, M sử dụng 01 chiếc ghe nan để sẵn ở đây (*của người dân đi bắt cá để lại, không rõ chủ sở hữu*) chèo ra hồ Phú Ninh thả lưới nhưng không bắt được cá.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi đến gần trại nuôi Dê của anh Lê Văn S (*thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam*), bị cáo T nghe tiếng Dê kêu nên nảy sinh ý định trộm Dê và rủ bị cáo V, M tham gia thì bị cáo V, M đồng ý. Cả ba chèo ghe vào bờ hồ, rồi đi bộ đến trại Dê của anh Lê Văn S, bị cáo T dẫn đầu, V, M theo sau. M cầm theo 01 (một) bao lát (bao đựng lưới đánh cá) và nhặt 01 (một) đoạn dây cao su màu đen dài khoảng 40cm ở bờ hồ. Đến nơi, bị cáo V đứng ngoài cổng trại, còn T và M vào chuồng Dê. Bị cáo T bắt 01 (một) con dê cái lông trắng, khối lượng khoảng 25 (Hai mươi lăm) kilogam bỏ vào bao lát, bị cáo M dùng đoạn dây cao su cột miệng bao lát rồi cùng nhau khiêng con Dê ra ghe chở về lại cảng thủy sản Tư Yên. Tại đây, các bị cáo để lại chiếc ghe chỗ cũ rồi dùng xe máy chở con Dê trộm cắp được về nhà bị cáo M xẻ thịt, chia làm 03 phần đem về nhà mỗi bị cáo. Còn phần đầu, chân, xương, lòng Dê các bị cáo bỏ vào bao lát, dùng dây cao su cột lại (*bao lát và dây cao su dùng để bắt trộm Dê*), sau đó bị cáo V đem đến vứt vào con suối gần nhà máy nước khoáng Phú Ninh.

Ngày 16-01-2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P đã định giá, xác định giá trị con Dê tại thời điểm ngày 14-12-2019 là **3.250.000 đ** (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: **14/2020/HS-ST** ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo **Phan T, Lê Hữu M** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Phan T 06** (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Lê Hữu M 04** (Bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Hồng V, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào các ngày 24/6/2020 và 22/6/2020, các bị cáo Phan T, Lê Hữu M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phan T, Lê Hữu

M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Phan T 06 tháng tù, bị cáo Lê Hữu M 04 tháng tù là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, mặc dù có phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, nhưng xét thấy mức án mà Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, thật sự ân hận với lỗi lầm, xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phan T, Lê Hữu M có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phan T, Lê Hữu M khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 14-12-2019, sau khi đánh bắt cá không có, phát hiện tiếng Dê kêu nên các bị cáo rủ nhau vào trại nuôi Dê của anh Lê Văn S (*thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam*) trộm cắp 01 con Dê cái, lông trắng, nặng khoảng 25 kg, đem về xẻ thịt chia nhau ăn nhậu thì bị phát hiện.

[3] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi cùng các đồng phạm lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là 01 con Dê, có giá trị **3.250.000** đồng, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên Bản án hình sự sơ thẩm số **14/2020/HSST** ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã kết án các bị cáo Phan T, Lê Hữu M về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nhất thời, không có dự mưu trước; giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại; khai báo nhận tội và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đều không có tiền án, tiền sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng loại hình phạt tù đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị hại tiếp tục có đơn đề nghị khoan hồng đối với các bị cáo; bị cáo M cung cấp Giấy xác nhận có bà ngoại ruột được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì; hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng. Xét tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết giảm nhẹ mới; các bị cáo đều xuất thân là nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên chưa thật sự cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Phan T, Lê Hữu M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

**1.** Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan T, Lê Hữu M, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Phan T 18** (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tam Đại, huyện Phú Ninh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Hữu M 15** (Mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện P nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Phan T, Lê Hữu M về Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam để có trách nhiệm giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

**2.** Các bị cáo Phan T, Lê Hữu M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2020).

#### **Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Thế Cẩm**

